

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN PHÚ TUẤN (Tổng Chủ biên)
BÙI THỊ OANH (Chủ biên)
LƯU ĐỨC HẠNH – LÊ THỊ BÍCH HỒNG

Tài liệu giáo dục địa phương

TỈNH

THANH HOÁ

6

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi chủ đề gồm 4 hoạt động chính:



Khởi động

Đề cập đến những nội dung học sinh sẽ tìm hiểu trong chủ đề, kết nối những điều học sinh đã biết, tạo hứng thú cho các em trước khi vào bài học mới.



Khám phá

Cung cấp cho học sinh kiến thức mới, giúp các em có thêm hiểu biết về quê hương mình.



Luyện tập

Gồm các câu hỏi, bài tập thực hành để củng cố những kiến thức vừa học và rèn luyện các kĩ năng.



Vận dụng

Sử dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

Lời nói đầu

Các em học sinh yêu quý!

Các em đang cầm trên tay một cuốn tài liệu rất đặc biệt – cuốn tài liệu dành riêng cho học sinh Thanh Hoá, một vùng đất “địa linh nhân kiệt”.

Cuốn sách có 8 chủ đề, tập trung giới thiệu những nội dung về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... của tỉnh Thanh Hoá với mong muốn bổ sung, trang bị cho các em những hiểu biết về nơi mình đang sinh sống.

Với mỗi chủ đề, các em sẽ được *khám phá* những nội dung lí thú. Từ những hiểu biết đó, các em *luyện tập* để hiểu hơn, nhớ hơn; sau đó *vận dụng* những kiến thức đã học để hoàn thành những sản phẩm, những bài tập của cá nhân mình và sáng tạo thêm những điều mới mẻ.

Ngoài *mục tiêu bài học*, mong các em tiếp tục tự tìm hiểu, khám phá những vấn đề có liên quan đến chủ đề để làm phong phú hơn hiểu biết của mình, càng thấy tự hào hơn về quê hương của chúng ta.

Chúc các em có những trải nghiệm thú vị với cuốn sách này!

Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hoá

Mục lục

Chủ đề 1: **BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN THÀNH NHÀ HỒ** 5

Chủ đề 2: **DƯA LÊ, BÁNH ĐÚC XỨ THANH** 13

Chủ đề 3: **TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN** 22

Chủ đề 4: **ĐỊA HÌNH – KHOÁNG SẢN VÀ CÁC GIÁ TRỊ KINH TẾ** 28

Chủ đề 5: **LÀNG NGHỀ CHẾ BIẾN NÔNG – LÂM SẢN Ở THANH HOÁ** 35

Chủ đề 6: **THANH HOÁ THỜI TIỀN SỬ, SƠ SỬ VÀ BẮC THUỘC** 43

Chủ đề 7: **CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC Ở THANH HOÁ** 50

Chủ đề 8: **BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC Ở THANH HOÁ** 56

CHỦ ĐỀ 1

BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN THÀNH NHÀ HỒ

MỤC TIÊU

- Biết được Thành Nhà Hồ là Di sản quốc gia đặc biệt của Việt Nam và Di sản văn hoá thế giới.
- Hiểu và tự hào về giá trị của di sản Thành Nhà Hồ.
- Hiểu được công việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản Thành Nhà Hồ.
- Tham gia một số hoạt động để quảng bá về di sản Thành Nhà Hồ.

Khởi động

Quan sát hình và nêu hiểu biết của em về Thành Nhà Hồ.



Hình 1.1. Cổng Thành Nhà Hồ

Ngày 27/6/2011, tại kì họp thứ 35 tổ chức tại Paris (Cộng hoà Pháp), Tổ chức Văn hoá Khoa học và Giáo dục Liên hiệp quốc (UNESCO) đã công nhận Thành Nhà Hồ là Di sản Văn hoá thế giới.



Khám phá

1 Vị trí địa lí

Đọc đoạn thông tin và cho biết vị trí địa lí của Thành Nhà Hồ.

Di sản Thành Nhà Hồ thuộc địa bàn xã Vĩnh Tiến và xã Vĩnh Long (huyện Vĩnh Lộc). Kinh thành được dựng ở giữa vùng đồng bằng thuộc lưu vực sông Mã và sông Bưởi, có núi án ngữ phía trước các cửa thành: phía bắc có núi Thổ Tượng (núi Voi); phía tây có núi Ngoạ Ngưu (núi Trâu Nằm); phía đông có dãy núi Hắc Khuyển (núi Chó Đen); phía nam có dãy núi Đốn Sơn (núi Đún). Đây là nơi hội tụ của sông Mã và sông Bưởi, tạo thành vị thế đặc biệt cho kinh đô.

Em có biết?

Hồ Quý Ly chọn thế đất này dựng đô thay Thăng Long vì cho rằng đây là vùng đất thạch bàn – long xà (thế đất như bàn đá, có rồng chầu sông Mã, rắn cuộn sông Bưởi). Vị trí xây thành đắc địa bởi nằm giữa đồng bằng lại giáp núi non hiểm trở, có sông nước bao quanh, vừa có ý nghĩa chiến lược của một căn cứ quân sự, vừa phát huy được ưu thế giao thông.

2 Nghệ thuật kiến trúc

Đọc đoạn thông tin và quan sát các hình trong mục 2, em hãy cho biết:

- Kiến trúc xây dựng Thành Nhà Hồ.
- Nét độc đáo của một số công trình kiến trúc ở Thành Nhà Hồ.

a) Kiến trúc xây dựng kinh thành

Khu di tích Thành Nhà Hồ là sự kết hợp sáng tạo giữa kiến trúc nhân tạo với hình thể tự nhiên. Kế thừa kiến trúc xây dựng kinh thành trước, Thành Nhà Hồ vẫn còn bảo tồn được tính nguyên vẹn đại diện cho đặc điểm kinh đô, gồm: Thành Ngoại, Thành Nội, Đàn tế Nam Giao và các công trình phụ trợ xung quanh. Sau hơn 6 thế kỉ, cảnh quan và quy mô kiến trúc được bảo tồn và phục dựng.

Đây là toà thành kiên cố với kiến trúc độc đáo bằng đá có quy mô lớn của Việt Nam, mang phong cách Á Đông, duy nhất còn lại ở Đông Nam Á và hiếm có trên thế giới.

Thành Nhà Hồ đại diện cho sự phát triển của phong cách kiến trúc mới nhờ công nghệ và các nguyên tắc quy hoạch khởi nguồn từ sự giao lưu giữa các yếu tố Đông Á và Đông Nam Á, gắn với điều kiện môi trường tự nhiên và kết hợp với yếu tố bản địa.

Em có biết?

Thành Nhà Hồ được xây dựng trong khoảng 3 tháng (từ tháng Giêng đến tháng 3 năm 1397). Cùng năm đó, Hồ Quý Ly chuyển kinh đô từ Thăng Long vào Thành Nhà Hồ. Các cấu trúc khác, như: Cung điện, La Thành, Đàn tế Nam Giao,... tiếp tục được xây dựng cho đến năm 1402.

b) Một số công trình kiến trúc độc đáo

**** Hoàng Thành***

Hoàng Thành (Thành Nội) là nơi thiết triều và sinh hoạt của triều đình. Các kiến trúc cung đình chính được bố trí cân đối ở hai bên chính điện. Di tích khảo cổ hiện còn ở chính giữa Hoàng Thành là đôi rồng đá. Phía trước chính điện có Đông Thái Miếu (nơi thờ tổ họ Hồ) và Tây Thái Miếu (thờ họ ngoại).



Hình 1.2. Đôi rồng đá ở thềm bậc chính điện

Phía sau chính điện là cung Nhân Thọ – nơi ở của Hoàng đế (bên phải); điện Hoàng Nguyên – nơi Hoàng đế làm việc (bên trái); Đông Cung – nơi ở của Thái tử; cung Phù Cự – nơi ở của Hoàng hậu.

Ngoài ra, trong Thành Nội còn có một số hồ nước tạo phong cảnh như: hồ Dục Thuý, hồ Bơi Chải, hồ Dục Tương, hồ Bán Nguyệt.

Kinh thành có 4 cổng, mở ở chính giữa 4 bức tường thành, gồm: cổng Nam, cổng Bắc, cổng Đông và cổng Tây.



Hình 1.3. Cổng Tây



Hình 1.4. Cổng Bắc

Em có biết?

Cổng Nam của kinh thành có 3 cửa; cổng Bắc, cổng Đông và cổng Tây chỉ có 1 cửa. Cổng được xây dựng theo kiến trúc hình vòm, đục đẽo hình mũi bưởi, xếp khít nhau.

* La Thành (Thành Ngoại)

La Thành nằm ở phía hữu ngạn sông Bưởi và tả ngạn sông Mã, có chu vi hơn 4 km, được đắp bằng đất, kết hợp trồng tre gai, đào hào rộng,... Vòng kiến trúc ngoài cùng đóng vai trò là tuyến phòng ngự bảo vệ kinh thành. Di tích La Thành được công nhận là Di tích cấp quốc gia năm 2011.

Cùng với Hoàng Thành, La Thành góp phần khẳng định Thành Nhà Hồ là một trong những công trình thành lũy quân sự hoành tráng, tiêu biểu nhất về kiến trúc nghệ thuật ở khu vực Đông Nam Á đầu thế kỉ XV.

** Đàn tế Nam Giao*

Đàn tế Nam Giao là nơi hằng năm Vua tiến hành lễ cúng tế cầu quốc thái dân an hoặc lễ tế vào dịp đại xá thiên hạ.

Em có biết?

Hiện Đàn tế Nam Giao là một trong ba đàn tế còn giữ được mặt bằng tương đối nguyên vẹn. Đây cũng là đàn tế cổ nhất của Việt Nam.

Trong Đàn tế Nam Giao còn có Giếng Vua, là nơi lấy nước, thực hiện nghi lễ Nam Giao.



Hình 1.5. La Thành



Hình 1.6. Đàn tế Nam Giao



Hình 1.7. Giếng Vua

3 Giá trị lịch sử – văn hoá

Thành Nhà Hồ còn có tên gọi là Thành Tây Đô, Thành An Tôn, Thành Tây Kinh, Thành Tây Giai, Thạch Thành. Thành là kinh đô của nước Đại Ngu, gắn liền với sự nghiệp của Hồ Quý Ly và vương triều Hồ (1400 – 1407).

Khu di sản Thành Nhà Hồ thể hiện sự giao thoa các giá trị nhân văn giữa Việt Nam và các nước trong khu vực Đông Á, Đông Nam Á vào cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV. Khu di sản nổi bật về kiểu kiến trúc Hoàng thành, biểu tượng cho quyền lực của nhà nước phong kiến và là một pháo đài quân sự bề thế, chắc chắn, uy nghiêm.

Thành Nhà Hồ được công nhận là Di tích quốc gia từ năm 1962; Di sản Văn hoá thế giới năm 2011 và được Chính phủ đưa vào danh sách xếp hạng 62 di tích quốc gia đặc biệt.

4 Bảo tồn, phát huy giá trị di sản Thành Nhà Hồ

** Hiện trạng Thành Nhà Hồ*

Thành Nhà Hồ được coi là toà thành đá duy nhất còn lại ở Đông Nam Á và là một trong rất ít thành đá còn lại trên thế giới. Ngoài bốn bức tường thành, bốn cổng, Đàn tế Nam Giao còn khá nguyên vẹn, hầu hết các công trình kiến trúc trên mặt đất thuộc khu vực Hoàng Thành không còn nguyên vẹn. Kiến trúc tường Hoàng Thành, nhất là tường thành đá phía bắc hiện bị sụt lún nhiều đoạn, nguy cơ sạt lở cao. Bề mặt đá khu vực cổng Nam đã bị rêu, tảo, địa y tiết axit ăn mòn,...Hiện trạng này đặt ra vấn đề cần có những biện pháp tích cực để bảo tồn và phát huy giá trị di sản như khuyến nghị của UNESCO.

** Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản Thành Nhà Hồ*

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hoá Thành Nhà Hồ được thực hiện theo Luật Di sản của Việt Nam và công ước quốc tế về bảo vệ di sản văn hoá thế giới. Sau khi được Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị di sản Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2015 - 2030, ngày 9/11/2015, tỉnh Thanh Hoá đã công bố quy hoạch với nhiều nội dung thiết thực: Chú trọng gắn kết bảo tồn văn hoá vật thể với văn hoá phi vật thể; tiến hành khai quật những di tích nằm trong lòng đất; bảo vệ cảnh quan, môi trường khu di sản; gắn bảo tồn với nghiên cứu khoa học, giáo dục cộng đồng; thường xuyên tu bổ, tôn tạo di tích,...

Tỉnh chú trọng bảo tồn di sản gắn với khai thác, phát huy giá trị của di sản trong đời sống cộng đồng: mở rộng giao lưu văn hoá; tổ chức nhiều hoạt

động giới thiệu, quảng bá di sản; kết nối các điểm tham quan di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh trong và ngoài tỉnh; hình thành các tuyến du lịch (sinh thái, cộng đồng); xây dựng sản phẩm du lịch văn hoá,...

Nêu những biện pháp đang được thực hiện để bảo tồn và phát huy giá trị di sản Thành Nhà Hồ.



Hình 1.8. Tu bổ, tôn tạo Thành Nhà Hồ



- 1 Kể những tên gọi khác của Thành Nhà Hồ.
- 2 Cho biết nội dung nào dưới đây nói đúng về di sản Thành Nhà Hồ.

a) Thành Nhà Hồ do Hồ Quý Ly cho xây dựng năm 1397.

b) Thành có kiến trúc độc đáo, giao thoa các giá trị nhân văn giữa Việt Nam với khu vực Đông Á, Đông Nam Á.

c) Thành nhà Hồ là di tích lịch sử quan trọng lưu giữ những giá trị về mặt văn hoá và kiến trúc thời trung đại.

d) Cổng chính của thành nhìn về phía đông.

e) Vị thế xây thành thuận lợi cho một căn cứ quân sự.

g) Kiến trúc Hoàng thành biểu tượng cho quyền lực của nhà nước phong kiến.

3 Có ý kiến cho rằng: “Thành Nhà Hồ trở thành Di sản văn hoá thế giới là do các di tích xen giữa các khu dân cư, hiện diện trong đời sống sinh hoạt và canh tác nông nghiệp của người dân. Di sản phải gắn với đời sống cộng đồng. Công trình đá lạnh lẽo sẽ chỉ có ý nghĩa khi mọi sinh hoạt của người dân vẫn diễn ra bình thường và ở đó có sự ấm áp của cuộc sống” (Bà Katherine Muller Marin – nguyên Trưởng đại diện Văn phòng UNESCO tại Việt Nam).

Em hiểu như thế nào về ý kiến trên?



Vận dụng

- 1** Sưu tầm ca dao, tục ngữ hoặc thơ ca nói về Thành Nhà Hồ.
- 2** Vẽ tranh hoặc làm poster để quảng bá về Thành Nhà Hồ.



Ghi nhớ



Di sản Thành Nhà Hồ có giá trị lớn về lịch sử, văn hoá, kiến trúc của Việt Nam và khu vực Đông Á, Đông Nam Á đã được UNESCO đưa vào danh sách Di sản văn hoá thế giới. Di sản độc đáo này được bảo tồn, phát huy giá trị trong đời sống hôm nay; gắn kết với phát triển du lịch của địa phương; là niềm tự hào của người dân xứ Thanh.

HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ HỌC

Tham quan di tích Thành Nhà Hồ (nếu có điều kiện).

CHỦ ĐỀ 2

DƯA LÊ, BÁNH ĐÚC XỨ THANH

MỤC TIÊU

- Biết được đặc điểm của rau cải làng Lê; nguyên liệu và cách muối dưa cải Lê.
- Biết được đặc điểm; nguyên liệu và cách làm bánh đúc, bánh đúc sốt.
- Có ý thức giữ gìn những nét đẹp văn hoá ẩm thực của quê hương.

Khởi động

Ẩm thực Thanh Hoá rất phong phú, hai trong số những đặc sản nổi tiếng là dưa Lê và bánh đúc.



Hình 2.1. Dưa Lê



Hình 2.2. Bánh đúc sốt

Quan sát hình ảnh và dựa vào hiểu biết của mình, em hãy nói về dưa Lê và bánh đúc xứ Thanh.



Khám phá

1 Dưa Lê

Dưa Lê – đặc sản xứ Thanh là dưa cải muối làng Lê Xá, xã Yên Thái, huyện Yên Định.

1.1. Rau cải làng Lê

Rau cải làng Lê là giống cải quý được lưu giữ từ lâu đời. Rau được trồng bằng cách gieo hạt ngoài bãi phù sa sông Mã.

Rau cải Lê từ khi gieo hạt đến khi thu hoạch chỉ khoảng 15 đến 20 ngày; thời vụ từ tháng 9 năm trước đến tháng 2 năm sau. Cây cải thân tròn, lá nhỏ, thưa. Rau xanh tốt nhờ đất phù sa, không bón bất kì loại phân gì. Cây cải tốt có thân dài khoảng 30 – 35 cm. Khi cây cải có ngồng, loáng thoáng hoa là thu hoạch được.



Hình 2.3. Rau cải làng Lê

Nhận xét về đặc điểm và cách trồng cây cải Lê.

1.2. Cách muối dưa Lê

Quan sát các hình và đọc thông tin ở mục 1.2, hãy nêu nguyên liệu và cách muối dưa Lê.

a) Nguyên liệu: gồm rau cải làng Lê và muối trắng.

b) Cách muối dưa:

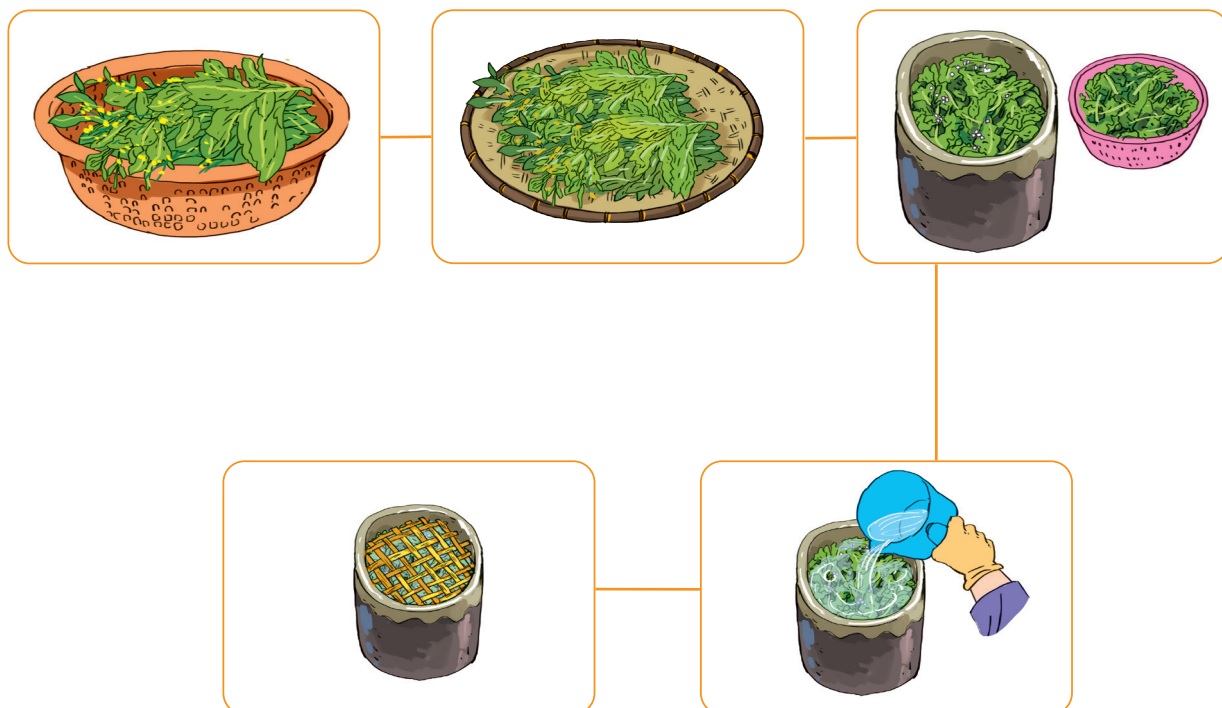
Bước 1. Nhặt rau cải, rửa sạch; sau đó để cây cải chỗ thoáng mát cho ráo nước.

Bước 2. Phơi cho lá cải se se héo.

Bước 3. Để cả cây hoặc cắt cải thành từng đoạn, xếp từng lớp vào vại, hết mỗi lớp lại rắc một lượt muối.

Bước 4. Tùy theo lượng cải, hoà muối vào nước sôi để nguội rồi đổ vào.

Bước 5. Đậy vại, xếp hòn nén đủ nặng và đậy kín. Để nơi thoáng mát, tránh bụi. Khoảng 3 – 5 ngày sau, dưa chín.



Hình 2.4. Các bước muối dưa Lê

1.3. Thương thức dưa Lê

Rau cải làng Lê thơm ngon, có thể xào, nấu, luộc tùy theo sở thích, khẩu vị. Nhưng dưa Lê mới nức tiếng xa gần từ nhiều đời nay.

Muối dưa khéo, lúc chín dưa lên màu vàng óng mỡ màng, mùi thơm dịu, giòn sần sật, vị chua thanh dịu rất đặc trưng. Dưa chín kĩ nấu với cá leo, cá trê, cá chuối, đặc biệt là cá lăng thì thơm gấp bội.

Dù ngày nay có nhiều loại rau, củ, quả, nhiều đặc sản giản dị của làng quê bị mất đi nhưng người làng Lê Xá vẫn luôn có ý thức gìn giữ giống dưa quý của quê nhà để dưa Lê còn mãi với thời gian.

Em có cảm nhận như thế nào về cách muối và thưởng thức món dưa Lê?

2 Bánh đúc và bánh đúc sốt

Bánh đúc là thứ quà quê dân dã, dễ làm, thịnh hành ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Quà bánh có trăm nghìn thứ, bánh đúc cũng có nhiều loại: bánh đúc gạo, bánh đúc ngô, bánh đúc lạc, bánh đúc dừa, bánh đúc nộm, bánh đúc canh, bánh đúc sốt,... Nhưng bánh đúc xứ Thanh mang phong vị độc đáo, tạo nên dấu ấn riêng.



Hình 2.5. Bánh đúc



Hình 2.6. Bánh đúc sốt

2.1. Bánh đúc

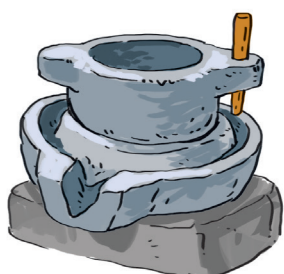
Quan sát các hình ảnh và đọc thông tin mục 2.1, em hãy cho biết nguyên liệu và các bước làm bánh đúc.

a) Nguyên liệu

Thành phần chính tạo nên bánh đúc là gạo tẻ ngon.

Các nguyên liệu khác gồm: nước vôi trong; cùi dừa nạo hoặc thái lát mỏng; nhân lạc.

b) Cách làm



Bước 1. Xay gạo thành bột: Gạo tẻ xay dối, ngâm nước và xay thành bột lỏng, mịn. Sau đó, trộn với một lượng nước vôi trong vừa đủ.



Bước 2. Quấy bánh: là khâu quan trọng nhất. Nồi nấu bánh được lán mớ để bánh ngậy, trơn mặt, không bị dính.



Bước 3. Khi bột đổi sang màu trong đục thì đun nhỏ lửa, cho củi dừa hoặc lạc vào, tiếp tục quấy đều.



Bước 4. Đổ bánh: Khi bột đã chín, đem đổ ra mẹt đã lót lá chuối tươi (bánh to); hoặc đổ từng muôi bột để bột tự chảy thành bánh đúc tròn, dẹt.

Hình 2.7. Các bước làm bánh đúc

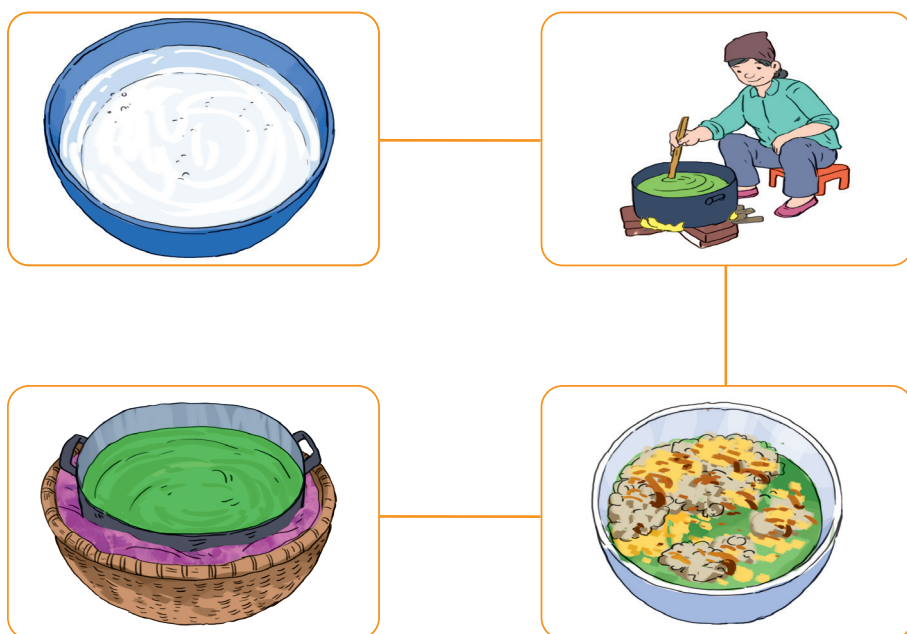
2.2. Bánh đúc sốt

Quan sát các hình ảnh và đọc thông tin mục 2.2, em hãy cho biết nguyên liệu và cách làm bánh đúc sốt.

a) Nguyên liệu

Điểm riêng biệt của bánh đúc sốt xứ Thanh là nguyên liệu gồm: bột gạo tẻ ngon xay nhuyễn; nước vôi trong (vừa đủ); nước rau ngót (hoặc rau cải) lọc kĩ hết bã; bột đậu xanh được nấu chín, thái nhỏ mịn; thịt nạc băm nhỏ, mộc nhĩ, hành khô.

b) Cách làm



Hình 2.8. Các bước làm bánh đúc sốt

Bước 1. Trộn bột gạo với nước vôi trong.

Bước 2. Quấy bột đều tay trên bếp. Khi bột bắt đầu quánh lại thì cho nước rau ngót (hoặc rau cải) vào, tiếp tục quấy đều.

Bước 3. Khi bánh chín, nhắc ngay nổi ra, đặt vào thúng có lớp vải và nilon bọc kĩ hoặc vào thùng giữ nhiệt.

Bước 4. Khi ăn, cho một lớp đỗ xanh bên dưới; sau đó, lớp bánh đúc sốt trải lên trên; tiếp đến lại một lớp đỗ; cuối cùng là thịt băm, mộc nhĩ, hành phi thơm.

1.3. Thường thức bánh đúc, bánh đúc sốt

Bánh đúc với vị giòn, thanh mát, mộc mạc, đã gắn liền với tuổi thơ của rất nhiều người xứ Thanh.

Bánh đúc sốt nóng hổi có hương vị đặc biệt khó tả, thoảng thơm nhẹ, vị ngậy ngậy béo là do sự hoà quyện của bột gạo, nước vôi trong, mùi rau cải, cộng thêm mùi của bột đậu xanh. Thêm vào đó là chút thơm ngọt của thịt nạc rim với mộc nhĩ, hành khô thơm phức. Hương vị ấy làm nên một món ăn giản dị mà thân thuộc, khiến người xứ Thanh đi đâu cũng vẫn nhớ.

Em có cảm nghĩ gì về món bánh đúc và bánh đúc sốt xứ Thanh?



- 1** Cho biết nội dung nào dưới đây nói đúng về đặc điểm của rau cải Lê?
 - a) Là giống cải được lưu giữ, bảo vệ từ lâu.
 - b) Là giống cải ngoại mới được du nhập vào nước ta.
 - c) Là giống cải được trồng bằng cách gieo hạt, chỉ 15 – 20 ngày là thu hoạch được.
 - d) Là giống cải có thân tròn, lá nhỏ, thưa, chỉ cao khoảng 30 – 35 cm.
 - e) Là giống cải phải chăm bón vất vả, bón nhiều phân.
 - g) Là giống cải xanh tốt nhờ đất phù sa, không phải bón phân.
- 2** Nêu cách muối dưa cải Lê.
- 3** Tìm 5 từ hoặc cụm từ trong bài nói về vị ngon đặc trưng của bánh đúc, bánh đúc sốt xứ Thanh.

4

Lựa chọn đáp án đúng trong các câu dưới đây:

Dưa Lê là

- a) một loại quả.
- b) dưa muối từ cây rau cải làng Lê.
- c) loại dưa được làm từ rau cải có ở nhiều nơi.
- d) loại dưa muối từ cây dọc mùng.

Bánh đúc là

- a) một đặc sản quý hiếm.
- b) thứ quà quê dân dã, dễ làm.
- c) thứ bánh đòi hỏi chế biến cầu kì.
- d) thứ bánh được đúc bằng máy.

Bánh đúc sốt có

- a) màu trong suốt vì được làm từ bột sắn dây.
- b) màu trắng đục vì được hoà từ bột gạo nếp lẫn gạo tẻ.
- c) màu cam vì được làm từ bột gạo trộn với dầu gấc.
- d) màu xanh ngọc vì được làm từ bột gạo tẻ nấu cùng với nước rau ngót (hoặc rau cải).

Nấu bánh đúc sốt, quan trọng nhất là

- a) xay bột thật nhuyễn để có bột mịn.
- b) có kĩ thuật nấu, sơ sẩy là bánh khô, hỏng bánh.
- c) trộn nước rau ngót (hoặc rau cải) vừa phải để bánh có màu xanh.
- d) cho lượng nước sôi trong vừa đủ để bánh giòn.



Vận dụng

1. Sưu tầm những câu thơ, ca dao, tục ngữ nói dưa Lê, bánh đúc.
2. Viết một đoạn văn ngắn nêu cảm xúc của em sau khi học về dưa Lê, bánh đúc xứ Thanh.
3. Vẽ một bức tranh về cánh đồng rau cải nở hoa vàng bên dòng sông.



Ghi nhớ

Dưa Lê, bánh đúc là hai trong số những món ăn dân dã mà nổi tiếng của xứ Thanh.

Dưa Lê được muối từ rau cải làng Lê Xá, xã Yên Thái, huyện Yên Định. Dưa có màu vàng óng, mùi thơm dịu, giòn sần sật, vị chua thanh dịu rất đặc trưng.

Bánh đúc là loại bánh được làm chủ yếu từ bột gạo tẻ. Một số nguyên liệu và cách chế biến khác nhau tạo nên các loại bánh đúc khác nhau, trong đó có bánh đúc sốt đặc sắc.

HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ HỌC

1. Tham gia cùng mẹ muối dưa cho gia đình.
2. Cùng mẹ hoặc nhóm bạn nấu bánh đúc.

CHỦ ĐỀ 3

TRỐNG ĐỒNG ĐÔNG SƠN

MỤC TIÊU

- Biết được thời gian xuất hiện trống đồng của người Việt cổ.
- Hiểu được nguồn gốc tên gọi trống đồng Đông Sơn và nền văn hoá Đông Sơn.
- Trình bày được những nét đặc sắc về kĩ thuật đúc, nghệ thuật trang trí và công dụng của trống đồng Đông Sơn.
- Hiểu và trân trọng giá trị lịch sử của trống đồng Đông Sơn.

Khởi động

Quan sát các hình ảnh và nêu hiểu biết của em về trống đồng.



Hình 3.1. Trống đồng Đông Sơn



Hình 3.2. Logo trống đồng Đông Sơn

Trống đồng là hình ảnh quen thuộc, xuất hiện ở rất nhiều nơi, từ những nơi trang nghiêm đến bảo tàng, cơ quan nhà nước, công sở hay nhà ở...



Hình 3.3. Trống đồng ở đường phố Thanh Hoá



Khám phá

1

Văn hoá Đông Sơn

Từ năm 1924, nhiều cuộc khai quật khảo cổ học tại di tích làng Đông Sơn, huyện Đông Sơn (nay thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hoá) đã phát hiện di vật bao gồm đồ đá, đồ đồng, các loại nông cụ, trang sức, vũ khí, nhạc cụ, đồ dùng sinh hoạt,... trong đó đặc biệt là trống đồng.

Kết quả khảo cổ cho thấy, các di tích thuộc nền văn hoá tồn tại vào thế kỉ VII trước CN đến thế kỉ I – II sau CN là đỉnh cao của thời đại đồ đồng ở Việt Nam, thời nhà nước Văn Lang – Âu Lạc.

Năm 1934, R.Heine Geldern, một nhà nghiên cứu người Áo đề nghị định danh nền văn hoá này là "Văn hoá Đông Sơn", nơi đầu tiên phát hiện ra di tích của nền văn hoá.



Hình 3.4. Di chỉ khảo cổ học Đông Sơn

Vì sao gọi là Văn hoá Đông Sơn?

Trống đồng Đông Sơn

2.1. Địa điểm phát hiện trống đồng Đông Sơn

Trống đồng Đông Sơn được tìm thấy qua các di tích từ vùng núi đến đồng bằng và vùng ven biển, tập trung nhất là vùng đồng bằng hạ lưu sông Mã, từ ven đồi bờ sông Mã – khu vực đền thờ trống Đồng (đền Đồng Cổ, huyện Yên Định) đến cầu Hàm Rồng như Thiệu Yên, Yên Định, Thọ Xuân, thành phố Thanh Hoá, Quảng Xương, Hoằng Hoá, Vĩnh Lộc, Nông Cống, Đông Sơn,...

Từ khi di tích Đông Sơn được phát hiện đến nay, trống đồng được khai quật ngày càng nhiều như ở đầu nguồn sông Hồng (Lào Cai, Yên Bái), ở miền Trung (Bình Định), Tây Nguyên, Nam Bộ. Tuy nhiên, Thanh Hoá vẫn là nơi tìm thấy nhiều trống đồng nhất.

Trống đồng có niên đại thuộc nền văn hoá Đông Sơn được gọi là trống đồng Đông Sơn.

Việc phát hiện được số lượng lớn nhất trống đồng Đông Sơn ở Thanh Hoá chứng tỏ điều gì?

2.2. Những nét đặc sắc của trống đồng Đông Sơn

Đọc thông tin và quan sát các hình ảnh ở mục 2.2, hãy nêu một số nét đặc sắc của trống đồng Đông Sơn.

Trống đồng được tìm thấy ở nhiều nơi, có niên đại khác nhau, có hình dáng, độ tinh xảo khác nhau. Tuy nhiên, trống đồng Đông Sơn được coi là loại trống đẹp về mỹ thuật, kỹ nghệ đúc tiêu biểu cho nền văn hoá Đông Sơn buổi đầu dựng nước.

a) Kỹ thuật đúc trống đồng

Theo suy đoán của các nhà nghiên cứu, trống được đúc bằng khuôn. Để đúc thành công cần các yêu cầu cao về kỹ thuật như: nhiệt độ cao để nung chảy hợp kim đồng, vật liệu chịu lửa để làm khuôn đúc. Nghệ nhân phải nắm vững được tính năng của mỗi kim loại để tạo nên hợp kim đồng, đặc biệt là phải có kỹ thuật đúc với tay nghề thành thạo.

Trống đồng Đông Sơn cho thấy một trình độ luyện kim, kỹ thuật pha chế hợp kim, kỹ thuật tạo dáng, nghệ thuật trang trí hoa văn,... đã đạt đến trình độ điêu luyện.

b) Cấu tạo của trống đồng Đông Sơn

Trống đồng bao gồm các bộ phận: chân trống, lưng trống, quai trống, tang trống và mặt trống.



Hình 3.5. Trống đồng Đông Sơn

c) Nghệ thuật trang trí trống đồng

Các hoạ tiết trên trống đồng đa dạng, thể hiện nhiều hình ảnh về sinh hoạt, trang phục, kiến trúc, nhạc cụ, nghệ thuật tạo hình của người Việt cổ.

Mặt trống có những hình ảnh chìm, nổi rất rõ rệt, sắc nét. Trên mặt trống có tượng (thường là tượng cóc) và vành hoa văn bao quanh ngôi sao nhiều cánh. Hoa văn có các dạng hình như hình tam giác lồng nhau, vòng tròn, đường gấp khúc hình chữ M, hình trám,... Về mặt bố cục, tất cả người, động vật đều diễu hành quanh ngôi sao nhiều cánh giữa mặt trống. Bao quanh ngôi sao có hình người, vật theo tư thế động và hoa văn hình học.



Hình 3.6. Mặt trống đồng

Thân trống hình trụ đứng, có các hình khắc nổi được sắp xếp cân đối. Hình ảnh con người luôn được diễn tả với các hoạt động: múa, gặt gạo, đánh trống, bơi chải,...



Hình 3.7. Thân trống đồng

Ngôi sao nhiều cánh ở giữa mặt trống đồng tượng trưng cho vị thần nào theo quan niệm của người dân Văn Lang?

2.3. Vai trò của trống đồng Đông Sơn

Trống đồng giữ một vị trí vô cùng quan trọng trong sinh hoạt xã hội của người Việt cổ. Trống là biểu tượng của quyền uy, của sự giàu có. Trống là nhạc khí dùng trong những dịp lễ lớn của cả cộng đồng (lễ hội, cúng tế). Trống còn dùng để ban thưởng và trở thành đồ tùy táng (chôn cùng với người đã khuất).



Luyện tập

- 1 Dựa vào các ảnh trống đồng Đông Sơn trong bài học và hiểu biết của em, hãy mô tả các đặc điểm của trống đồng Đông Sơn.
- 2 Trống đồng Đông Sơn gợi cho em nhớ đến những địa danh, di tích nào? Kể đôi nét về những địa danh và di tích đó.



Vận dụng

1 Làm album ảnh về trống đồng Đông Sơn theo các gợi ý sau:

- Suy tầm ảnh và thông tin về trống đồng Đông Sơn.
- Dán ảnh và ghi chú thông tin về ảnh.
- Làm bìa và trang trí bìa album.



2 Viết một đoạn văn mô tả đời sống của người Việt cổ theo hiểu biết và tưởng tượng của em.



Ghi nhớ

Trống đồng Đông Sơn là một trong những báu vật quốc gia, là biểu tượng của nền văn hoá Đông Sơn, niềm tự hào của quê hương Thanh Hoá. Trống đồng được đúc với kĩ nghệ cao, nghệ thuật trang trí độc đáo, phản ánh cuộc sống sinh hoạt và sự sáng tạo của ông cha ta từ buổi đầu dựng nước.

CHỦ ĐỀ 4

ĐỊA HÌNH - KHOÁNG SẢN

VÀ CÁC GIÁ TRỊ KINH TẾ

MỤC TIÊU

- Nêu được đặc điểm địa hình và khoáng sản tỉnh Thanh Hoá.
- Trình bày được những thuận lợi và khó khăn của địa hình đối với đời sống và phát triển kinh tế.
- Hiểu được giá trị kinh tế của tài nguyên khoáng sản và những ảnh hưởng do khai thác khoáng sản gây ra.

Khởi động

Thanh Hoá là một tỉnh lớn cả về diện tích và quy mô dân số. Có ý kiến cho rằng: Là tỉnh có diện tích lớn, địa hình đa dạng, nguồn khoáng sản phong phú, Thanh Hoá có nhiều điều kiện để phát triển kinh tế – xã hội.

Theo em, nhận định này có đúng không?

Khám phá

1 Địa hình

a) Đặc điểm chung

Địa hình Thanh Hoá thấp dần từ tây bắc xuống đông nam. Phía tây bắc tập trung những ngọn núi cao 1 000 m đến 1 500 m, địa hình thoải dần, kéo dài và mở rộng về phía đông nam. Đồi núi chiếm 3/4 diện tích của cả tỉnh với nguồn nông – lâm sản dồi dào, tạo tiềm năng lớn về kinh tế lâm nghiệp.

Địa hình Thanh Hoá đa dạng, phức tạp, bị chia cắt nhiều. Thanh Hoá có ba dạng địa hình: núi và trung du, đồng bằng, ven biển. Các dạng địa hình này phân bố lần lượt từ tây sang đông, tạo nên thiên nhiên Thanh Hoá đa dạng, thuận lợi để phát triển nhiều ngành kinh tế nhưng cũng gặp không ít khó khăn.

b) Các khu vực địa hình

Đọc các thông tin sau, em cho biết: Các khu vực địa hình của tỉnh Thanh Hoá có đặc điểm gì? Nêu những giá trị kinh tế của từng khu vực địa hình.

Địa hình Thanh Hoá chia làm 3 vùng rõ rệt:

– Vùng núi và trung du có diện tích đất tự nhiên 839 037 ha, chiếm 75,44% diện tích toàn tỉnh. Độ cao trung bình vùng núi từ 600 – 700 m, độ dốc trên 25°; vùng trung du có độ cao trung bình 150 – 200 m, độ dốc từ 15 – 20°.

Dạng địa hình núi và trung du phân bố ở 11 huyện miền núi của tỉnh, gồm: Như Xuân, Như Thanh, Thường Xuân, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Hoá, Quan Sơn, Mường Lát, Ngọc Lặc, Cẩm Thuỷ và Thạch Thành. Với địa hình như vậy, Thanh Hoá có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành nông – lâm nghiệp với các loại cây lâm sản và các cây như đậu, chè, lạc, mía,...; cũng là cơ sở để phát triển các ngành chế biến nông – lâm sản của Thanh Hoá.

– Vùng đồng bằng có diện tích đất tự nhiên là 162 341 ha, chiếm 14,61% diện tích toàn tỉnh; được tạo nên bởi phù sa mới, trải dài trên một bề mặt rộng, hơi nghiêng về phía biển ở phía đông nam. Rìa bắc và tây bắc là dải đất cao được tạo nên bởi phù sa cũ của sông Mã, sông Chu, cao từ 2 – 15 m. Trên đồng bằng nhô lên một số đồi



Hình 4.1. Vùng núi (huyện Bá Thước)



Hình 4.2. Vùng đồng bằng (huyện Hà Trung)

núi có độ cao trung bình 200 – 300 m được cấu tạo bằng nhiều loại đá khác nhau. Đồng bằng Sông Mã có diện tích lớn thứ ba cả nước sau đồng bằng Sông Cửu Long và đồng bằng Sông Hồng.

Vùng đồng bằng thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, xây dựng các công trình giao thông, nhà máy sản xuất công nghiệp và tập trung đông dân cư.



Hình 4.3. Bãi biển Hải Tiến
(huyện Hoằng Hoá)



Hình 4. Hồ Cửa Đạt
(huyện Thường Xuân)

– Vùng ven biển có diện tích 110 655 ha, chiếm 9,95% diện tích toàn tỉnh, với bờ biển dài 102 km. Địa hình tương đối bằng phẳng, gồm nhiều dạng địa hình ven biển như bãi biển, vịnh cửa sông, đảo đá ven bờ,... Chạy dọc theo bờ biển là các cửa sông. Vùng ven biển phân bố chủ yếu ở thành phố Sầm Sơn, thị xã Nghi Sơn, và các huyện: Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hoá, Quảng Xương; có độ cao trung bình 3 – 6 m. Ở đây có bãi tắm Sầm Sơn nổi tiếng và các khu nghỉ mát khác như Hải Tiến (huyện Hoằng Hoá) và Hải Hoà (thị xã Nghi Sơn),... Ngoài ra, vùng này còn có diện tích đất rộng lớn, thuận lợi cho việc nuôi trồng thuỷ sản, trồng cói và phát triển các khu công nghiệp, dịch vụ kinh tế biển.

Nhìn chung, địa hình của tỉnh Thanh Hoá phong phú, đa dạng, tạo nhiều thuận lợi để phát triển các ngành nông – lâm – ngư nghiệp và phát huy thế mạnh của từng dạng địa hình. Nhiều cảnh quan đẹp kết hợp giữa rừng – biển – đồng bằng là điều kiện để phát triển du lịch, dịch vụ. Độ cao chênh lệch giữa các vùng miền núi, trung du, đồng bằng với nhiều hệ thống sông suối tạo ra tiềm năng thuỷ điện,...

Tuy nhiên, địa hình cũng gây nên những khó khăn nhất định như vùng núi có nhiều sông suối, hẻm vực, sườn dốc, gây trở ngại cho các hoạt động giao thông

vận tải và khai thác tài nguyên; vùng trũng thường bị ngập úng, đất dễ bị bạc màu; vùng ven biển thường bị ngập mặn. Con người sống trên mảnh đất này từ lâu đã có những biện pháp để khắc phục và thích nghi với hoàn cảnh tự nhiên như lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng địa hình; đầu tư xây dựng đường xá, cầu cống; làm thủy lợi và thau chua rửa mặn;...

Những thử thách của thiên nhiên đối với con người đã góp phần hun đúc nên tinh thần lao động cần cù, lòng yêu quê hương và ý chí quyết tâm xây dựng quê hương đất nước của con người xứ Thanh.

2 Khoáng sản

Dựa vào các thông tin dưới đây, em hãy nêu đặc điểm nguồn tài nguyên khoáng sản ở Thanh Hoá.

a) Đặc điểm chung

Thanh Hoá là tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú, đa dạng. Đến nay đã phát hiện 257 mỏ và điểm quặng với 42 loại khoáng sản.

Một số mỏ lớn có giá trị kinh tế cao như crôm, vật liệu xây dựng, đá ốp lát, sét cao lanh,... đã được thăm dò, khai thác.

Nhiều loại quặng quy mô không lớn nhưng có giá trị sử dụng thực tế đáng kể như vàng, quặng đa kim loại như kẽm, chì, thiếc, đồng,...

Em có biết?

Tỉnh Thanh Hoá có tổng diện tích vùng đất nổi là 11 169 km², thêm lục địa rộng 18 000 km², các đỉnh núi cao như Bù Rinh 1 291 m (huyện Lang Chánh), Bù Chó 1 563 m (huyện Thường Xuân).

Đồng bằng rộng 2 900 km². Vùng đất thấp nhất ở Hà Dương (huyện Hà Trung) chỉ cao hơn mặt nước biển 0,3 m. Nước vùng biển Thanh Hoá về mùa đông ít khi xuống dưới 20°C, mùa hè dao động từ 25 – 27°C.

Nguồn: Địa chí tỉnh Thanh Hoá

Em có biết?

Tổng trữ lượng quặng sắt đã thăm dò ước đạt 20 triệu tấn. Các mỏ crôm vùng Cổ Định ước tính gần 138 nghìn tấn ni-ken và trên 27,5 nghìn tấn co-ban.

Nguồn: Địa chí tỉnh Thanh Hoá

b) Một số mỏ và điểm quặng

Thanh Hoá có nhiều loại khoáng sản khác nhau, bao gồm:

– *Kim loại đen*: gồm sắt và sắt man-gan. Hiện nay, đã phát hiện 26 mỏ và điểm quặng (23 mỏ sắt). Lớn nhất là mỏ sắt Thanh Kì (huyện Như Thanh) với trữ lượng lớn, chất lượng tốt, đã được phát hiện và khai thác từ lâu.

– *Kim loại màu, kim loại quý hiếm*: Hiện nay đã phát hiện và khai thác 7 mỏ chì, kẽm, đáng chú ý nhất là mỏ Quan Sơn (thị xã Nghi Sơn); 6 mỏ an-ti-mon, chủ yếu ở các huyện Bá Thước, Quan Hoá, Cẩm Thuỷ; mỏ crôm ở Cổ Định được phát hiện từ năm 1923 và đã được khai thác từ lâu. Đây là mỏ crôm lớn nhất trong cả nước và có giá trị sử dụng cao.

– *Nguyên liệu phân bón, hoá chất*: Mỏ phot-pho-rít, se-pen-tin là quan trọng nhất. Mỏ phốt-phát Cao Thịnh (huyện Ngọc Lặc) lớn nhất tỉnh đã được khai thác từ lâu.

– *Vật liệu xây dựng*: rất phong phú và đa dạng về chủng loại, gồm các loại đá, cát, sỏi phục vụ xây dựng, đá ốp lát cao cấp, vật liệu sản xuất xi măng,...

– *Nhiên liệu*: than bùn phân bố ở nhiều huyện.

– *Các loại khoáng sản khác* như quặng pu-zơ-lan, cát kết chịu lửa, đá hoa,... rất dồi dào.

c) Thăm dò, khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản

Đọc thông tin ở mục c và bằng những hiểu biết của mình, em hãy cho biết: Việc khai thác khoáng sản ở Thanh Hoá hiện nay như thế nào?

Với tiềm năng khoáng sản phong phú, nguồn lao động dồi dào, Thanh Hoá là một trong số ít tỉnh từ lâu đã tiến hành khai thác khoáng sản phục vụ cho phát triển kinh tế, đem lại nhiều lợi ích cho tỉnh.

Tuy nhiên, việc khai thác khoáng sản thời gian qua cũng bộc lộ nhiều hạn chế, làm cho một số khoáng sản có nguy cơ cạn kiệt, gây ô nhiễm môi trường. Tỉnh Thanh Hoá đã xây dựng kế hoạch quản lý, tổ chức công tác bảo vệ, thăm dò, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản quý giá của địa phương.



Theo em, việc khai thác khoáng sản không đúng quy trình sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực gì đến môi trường?

Hình 4.5. Khai thác đá (huyện Hà Trung)



Luyện tập

1 Lựa chọn đáp án đúng trong các câu dưới đây:

Đặc điểm địa hình của tỉnh Thanh Hoá là

- a) thấp dần từ đông bắc xuống tây nam.
- b) đồi núi chiếm tỉ lệ 1/2 diện tích toàn tỉnh.
- c) địa hình đa dạng, phức tạp, trong đó, đồi núi chiếm 3/4 diện tích toàn tỉnh.
- d) đồng bằng chiếm 3/4 diện tích.

Các vùng địa hình của tỉnh Thanh Hoá lần lượt từ phía tây sang phía đông là

- a) vùng núi và trung du, đồng bằng và ven biển.
- b) vùng núi và trung du, ven biển.
- c) vùng đồng bằng, núi và trung du, ven biển.
- d) đồng bằng và ven biển.

Nhận định nào sau đây đúng về đồng bằng Thanh Hoá?

- a) Là đồng bằng rộng nhất cả nước.
- b) Là vùng đồng bằng được bồi đắp từ phù sa của sông Hồng và sông Mã.
- c) Là vùng đồng bằng rộng lớn, có một số đồi núi với độ cao trung bình 200 – 300 m.
- d) Là vùng có đất đai đa dạng nhưng kém màu mỡ.

2 Nêu một số biện pháp để khắc phục những khó khăn do địa hình ở Thanh Hoá.

3 Sơ đồ hoá các loại khoáng sản có ở Thanh Hoá.

4 Nêu những ảnh hưởng của việc khai thác tài nguyên khoáng sản đến môi trường.



Vận dụng

1 Tìm hiểu về những dạng địa hình ở thành phố/ huyện/ thị xã em sống.

2 Sưu tầm tranh, ảnh về dạng địa hình nổi bật (núi cao, bãi biển, đồi trung du,..) ở nơi em sống và giới thiệu với các bạn.



Ghi nhớ

Thanh Hoá là tỉnh có diện tích rộng lớn, địa hình đa dạng, phức tạp; tài nguyên khoáng sản dồi dào, tạo cho con người nhiều thuận lợi nhưng cũng gây ra nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế – xã hội.

CHỦ ĐỀ 5

LÀNG NGHỀ CHẾ BIẾN NÔNG – LÂM SẢN Ở THANH HOÁ

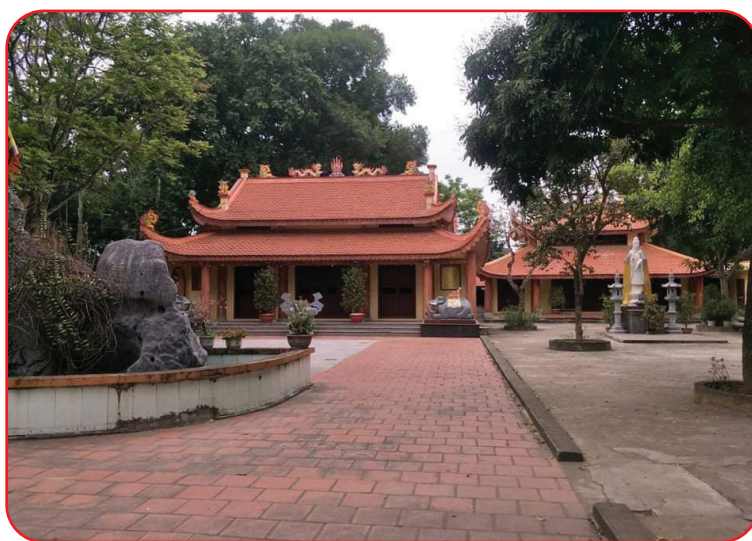
MỤC TIÊU

- Biết được tên và sản phẩm của một số làng nghề chế biến nông – lâm sản ở Thanh Hoá.
- Hiểu được giá trị của làng nghề chế biến nông – lâm sản.
- Có ý thức giữ gìn, phát triển các giá trị của làng nghề ở Thanh Hoá.

Khởi động

Theo truyền thuyết, Bà Triệu là tổ sư nghề dệt sam súc – một loại lưới dệt bằng tơ, dùng để đánh moi, cá con.

Theo em, nghề dệt này có phải là nghề truyền thống không? Vì sao?



Hình 5.1. Đền thờ Bà Triệu (thành phố Sầm Sơn)



Khám phá

1

Các làng nghề chế biến nông – lâm sản ở Thanh Hoá

Thanh Hóa là một trong 5 tỉnh thành nhiều làng nghề nhất cả nước. Toàn tỉnh có 175 làng nghề với 90 làng nghề truyền thống. Trong đó có 133 làng nghề chế biến nông – lâm sản với 67 làng nghề truyền thống.

Làng nghề	Số lượng làng nghề	Huyện/ thành phố có nhiều làng nghề nhất
Dệt chiếu cói	40 làng	Huyện Nga Sơn: 31 làng (18 làng nghề truyền thống)
Đan lát (mây, song, tre, giang, nứa, lá nón)	36 làng (13 làng nghề truyền thống)	Huyện Hoàng Hoá: 10 làng (9 làng nghề truyền thống)
Làm men rượu, nấu rượu	11 làng (đều là làng nghề truyền thống)	Thành phố Thanh Hoá: 5 làng
Sinh vật cảnh	13 làng	Huyện Như Thanh: 8 làng (đều là làng nghề truyền thống)
Làm nem, chả; làm bún, bánh (bánh gai, bánh tráng, chè lam, bánh răng bừa)	15 làng (6 làng nghề truyền thống)	Thành phố Thanh Hoá: 4 làng (1 làng nghề truyền thống) Huyện Thọ Xuân: 4 làng nghề (2 làng nghề truyền thống)

Nguồn: Sở Công thương Thanh Hoá

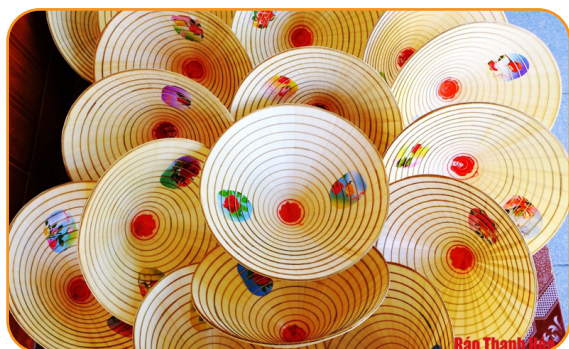


Hình 5.2. Làng nghề giò (thành phố Thanh Hoá)



Hình 5.3. Làng nghề chạm khắc đá (thành phố Thanh Hoá)

Các sản phẩm nổi tiếng của làng nghề có thể kể đến như: *đồ gỗ* Đát Tàì, Hạ Vũ; *mây tre đan* Hoàng Thịnh, *hương* Đông Khê (huyện Hoàng Hoá); *chiếu cói* Nga Liên, Nga Thuỷ, Nga Thanh (huyện Nga Sơn); *nón lá* Trường Giang, Trường Sơn (huyện Nông Cống); *tương* Ái Thôn (huyện Yên Định); *chè lam* Phủ Quảng (huyện Vĩnh Lộc); *bánh răng bừa* Xuân Lập (huyện Thọ Xuân); *vải thổ cẩm* làng Ngọc (huyện Cẩm Thuỷ); *sinh vật cảnh* Xuân Du (huyện Như Thanh);...



Nón lá



Mây tre đan



Bánh răng bừa



Đồ gỗ

Hình 5.4. Một số sản phẩm của các làng nghề ở Thanh Hoá

Quan sát hình 5.4, em hãy:

- Cho biết các sản phẩm trên là của những làng nghề nào của Thanh Hoá.
- Giới thiệu về một trong số các sản phẩm trên.

2 Giá trị của các làng nghề chế biến nông – lâm sản ở Thanh Hoá

Đọc đoạn thông tin dưới đây và cho biết giá trị của các làng nghề chế biến nông – lâm sản ở Thanh Hoá.

Làng nghề nói chung và các làng nghề chế biến nông – lâm sản nói riêng có giá trị kinh tế, văn hoá và phát triển du lịch.

Giá trị kinh tế:

Làng nghề làm ra các sản phẩm thông dụng, gần gũi với mọi người, từ các món ăn, đồ uống đến đồ dùng gia đình, công cụ sản xuất hay đồ thờ cúng, lưu niệm, trang sức,... Làng nghề tạo công ăn việc làm cho hàng chục vạn lao động với tổng thu nhập hàng nghìn tỉ đồng/năm.

Giá trị văn hoá:

Qua bàn tay khéo léo, kĩ thuật độc đáo của những con người chân chất, những nghệ nhân tài hoa, sản phẩm của làng nghề góp phần thể hiện, bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc, sắc thái địa phương. Ngày nay, các làng nghề đang cố gắng tạo nên ưu thế của sản phẩm, mở rộng giao lưu trên thị trường quốc tế; giúp cộng đồng thế giới hiểu biết về Việt Nam nhiều hơn.

Phát triển du lịch:

Đây cũng là một giá trị lớn của làng nghề. Du khách trong, ngoài nước rất hào hứng trước làng quê phong cảnh hữu tình với những sản phẩm thủ công độc đáo, hấp dẫn, mang tính bản địa sâu sắc. Phát triển du lịch là giải pháp hữu hiệu để phát triển kinh tế – xã hội làng nghề theo hướng tích cực, bền vững.



Hình 5.5. Khách du lịch tham quan
làng nghề đúc đồng



Bảo tồn và phát huy giá trị của làng nghề

Đọc đoạn thông tin dưới đây và cho biết:

- *Khó khăn của các làng nghề chế biến nông – lâm sản ở Thanh Hoá.*
- *Các biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị của các làng nghề.*

Hiện nay, các làng nghề chế biến nông – lâm sản, nhất là các làng nghề ở miền núi đang gặp nhiều khó khăn, thách thức. Một số vấn đề điển hình là:

- Tình trạng sản xuất của các làng nghề phân tán, nhỏ lẻ, chủ yếu theo hộ gia đình, kĩ thuật thủ công; lực lượng lao động còn nhiều hạn chế; nguồn nguyên liệu bấp bênh; chịu sự cạnh tranh của các doanh nghiệp lớn.
- Sản phẩm làng nghề phần lớn mẫu mã đơn giản, chất lượng chưa cao, chưa tạo dựng được thương hiệu. Thị trường hạn hẹp, lượng tiêu thụ khiêm tốn khiến đời sống người dân làng nghề gặp khó khăn.
- Hệ thống hạ tầng cơ sở của các làng nghề còn thấp: mặt bằng sản xuất chật hẹp, không phù hợp; giao thông, điện, nước chưa đồng bộ. Tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng vì chưa được xử lí đúng quy định.
- Tại các làng nghề hiện nay, việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, ảnh hưởng đến chất lượng và giá thành sản phẩm. Công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức.

Để thúc đẩy phát triển các làng nghề nói chung và làng nghề chế biến nông – lâm sản nói riêng, tỉnh Thanh Hoá và các địa phương trong tỉnh đã có nhiều giải pháp ổn định, phát triển đúng đắn, hiệu quả:

- Hỗ trợ vay vốn để mở rộng sản xuất, đổi mới trang thiết bị, sử dụng công nghệ mới, tổ chức đào tạo nghề, tham quan học tập kinh nghiệm, tìm kiếm, mở rộng thị trường,...
- Có chế độ công nhận nghề, làng nghề, làng nghề truyền thống, tôn vinh nghề nhân, thợ giỏi ở các làng nghề.
- Giúp các làng nghề tiếp cận chính sách mới, thông tin kịp thời về xu hướng, tiêu chí hình thức và chất lượng cũng như diễn biến thị trường sản phẩm.
- Kết hợp giữa bảo vệ, phát huy tinh hoa truyền thống với hiện đại hoá công nghệ; hình thành các khu công nghiệp, cụm làng nghề.



Luyện tập

1

Đọc các câu tục ngữ, ca dao sau và thực hiện theo yêu cầu.

- Quạt Lưu Vệt, quế Chính Sơn.
(Lưu Vệt thuộc thị trấn Tân Phong, huyện Quảng Xương; Chính Sơn thuộc xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân)
 - Cá bể chợ Còng, cá đồng chợ Hội.
(Chợ Còng thuộc xã Hải Nhân, thị xã Nghi Sơn; chợ Hội thuộc xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương)
 - Gà Sơn Môi, xôi Thạch Giản.
(Sơn Môi thuộc xã Quảng Cát, thành phố Thanh Hoá; Thạch Giản thuộc xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn)
 - Cam Giàng, vải Dạch, bưởi Luận Văn.
(làng Giàng thuộc phường Thiệu Dương, thành phố Thanh Hoá; làng Dạch thuộc xã Thọ Hải; Luận Văn thuộc xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân)
 - Làng Vạc trồng bông, buôn bông
Làng Khoai cấy lúa, Trà Đông đúc nổi.
(Làng Vạc thuộc thị trấn Thiệu Hoá; làng Khoai xã Thiệu Vận; làng Trà Đông thuộc xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hoá).
 - Làng Nhồi đục đá, nung vôi.
(làng Nhồi thuộc phường An Hưng, thành phố Thanh Hoá)
- a) Sắp xếp các sản phẩm trong những câu ca dao, tục ngữ trên theo 3 loại:
- Sản phẩm của các làng nghề
 - Sản vật địa phương
 - Món ăn quê
- b) Kể tên các làng nghề trong những địa danh trên.



Hình 5.6. Làng nghề dệt thổ cẩm xã Lũng Niêm, huyện Bá Thước

2 Nói tên các sản phẩm truyền thống trong các hình ảnh sau. Sản phẩm nào thuộc làng nghề chế biến nông – lâm sản?



Hình 5.7



Hình 5.8



Hình 5.9



Hình 5.10



Hình 5.11



Hình 5.12

3 Nêu những hạn chế về lực lượng lao động trong phát triển kinh tế làng nghề.

4 Thảo luận về một số giải pháp nhằm thúc đẩy nghề truyền thống, làng nghề các địa phương trong tỉnh.

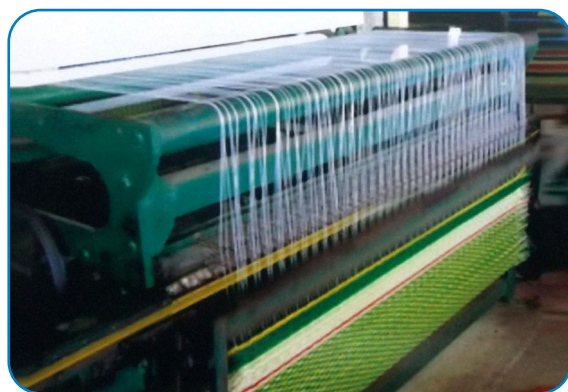


Vận dụng

- 1 Kể tên các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống mà em biết.
- 2 Quan sát 2 hình sau và nêu suy nghĩ của em về kĩ thuật ở làng nghề dệt chiếu cói của Thanh Hoá.



Hình 5.13. Dệt chiếu thủ công



Hình 5.14. Dệt chiếu bằng máy

- 3 Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về một sản phẩm truyền thống hoặc một làng nghề chế biến nông – lâm sản mà em biết.

Ghi nhớ

Thanh Hoá có 133 làng nghề chế biến nông – lâm sản, trong đó có 67 làng nghề truyền thống.

Làng nghề nói chung và làng nghề chế biến nông – lâm sản ở Thanh Hoá nói riêng đem lại các giá trị về kinh tế, văn hoá và phát triển du lịch cho tỉnh. Nhiều nghề truyền thống có những nghệ nhân tài hoa và nhiều sản phẩm nổi tiếng.

CHỦ ĐỀ 6

THANH HOÁ THỜI TIỀN SỬ, SƠ SỬ VÀ BẮC THUỘC

MỤC TIÊU

- Biết được lịch sử của Thanh Hoá thời tiền sử, sơ sử và Bắc thuộc.
- Nhận xét được lịch sử hình thành và phát triển của Thanh Hoá so với lịch sử dân tộc.
- Giới thiệu được về một di tích, di vật, địa danh tiêu biểu tại quê hương có liên quan đến thời kì này.
- Tự hào và có hứng thú tìm hiểu lịch sử quê hương.

Khởi động

Nếu ví lịch sử Thanh Hoá – lịch sử Việt Nam như một sợi dây dài 5 m, trên đó, mỗi thế kỉ tương ứng với 1 mm thì đến nay đã bao nhiêu năm? Thời tiền sử, sơ sử và Bắc thuộc dài gần 4,99 m thì 3 thời kì này dài bao nhiêu năm?

(Soạn theo *Lịch sử Thanh Hoá tập 1*)

Khám phá

1 Thanh Hoá thời tiền sử

Thời kì này còn gọi là *Thời đại đồ đá*, cách ngày nay khoảng 40 vạn năm. Dấu tích còn lưu giữ ở núi Đọ (thành phố Thanh Hoá); núi Nuông, núi Quan Yên (huyện Yên Định); núi Nổ (huyện Vĩnh Lộc).

Các dấu tích cho thấy đây là một trong những nơi cư trú đầu tiên của người nguyên thủy ở Việt Nam. Họ sống trong hang động hoặc trong các lều nhỏ tự dựng bằng tre hay cây cối, trên các sườn núi và đã biết chế tác công cụ đá để hái lượm, săn bắt.



Hình 6.1. Rìu tay đá và phác vật đá của người nguyên thủy ở núi Đọ, núi Nuông

Sau đó, Người tối cổ mở rộng địa bàn cư trú lên miền núi phía tây (Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Bá Thước, Thạch Thành). Ở hang Con Moong (xã Thành Yên, huyện Thạch Thành), các nhà khảo cổ tìm thấy dấu tích Người tối cổ sống liên tục hơn 40 vạn đến 7 000 năm trước. Con người cũng chuyển từ Người tối cổ thành Người tinh khôn và phát triển từ săn bắt, hái lượm sang trồng trọt, chăn nuôi.



Hình 6.2. Hang Con Moong (huyện Thạch Thành)



Công cụ cuội



Rìu đá mài lưỡi

Hình 6.3. Hiện vật tìm thấy ở hang Con Moong

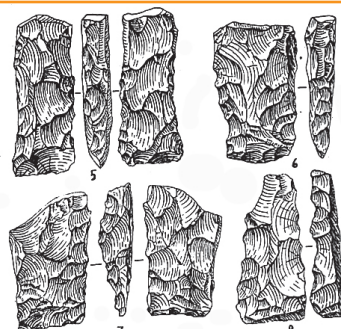
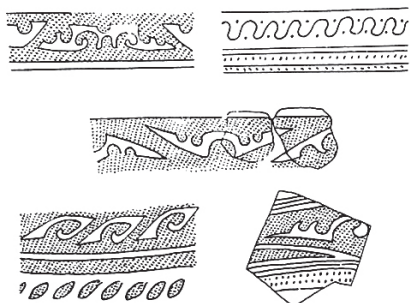
Cách ngày nay 7 000 đến 4 000 năm, cư dân Thanh Hoá tràn xuống chiếm lĩnh đồng bằng và miền biển, từ Vinh Lộc qua Hà Trung đến Hậu Lộc.

Quan sát hình 6.1, 6.3 và đọc thông tin mục 1, hãy cho biết đặc điểm của người Việt cổ ở Thanh Hoá thời tiền sử.

2 Thanh Hoá thời sơ sử

Thời sơ sử, Thanh Hoá nói riêng và Việt Nam nói chung bước sang Thời đại kim khí (đồng thau – sắt sớm). Thời kì này còn gọi là Thời đại Văn hoá Tiền Đông Sơn và Đông Sơn.

Thời kì Tiền Đông Sơn cách nay 4 000 – 3 000 năm. Thời kì này, cư dân Thanh Hoá sống dọc bờ sông Mã, sông Chu.



Hình 6.4. Bản vẽ hoa văn trên đồ gốm và rìu đá đang chế tác thời Tiền Đông Sơn

Thời kì Văn hoá Đông Sơn bắt đầu cách nay gần 3 000 năm. Đến thế kỉ VII TCN, khi bước vào giai đoạn phát triển rực rỡ, nhà nước Văn Lang – nhà nước đầu tiên của Việt Nam – ra đời dưới sự trị vì của các vua Hùng. Tiếp đến là nhà nước Âu Lạc của An Dương Vương. Bấy giờ, Thanh Hoá thuộc bộ Cửu Chân và là một địa phương phát triển vào bậc nhất.



Hình 6.5. Lăng Hùng Vương
(huyện Yên Định)



Hình 6.6. Đền thờ An Dương Vương
(thành phố Sầm Sơn)

Cư dân ở nhà sàn, làm ruộng, làm rẫy. Nông cụ phần lớn bằng đồng như rìu, liềm, lưỡi cày hình cánh; sức kéo là trâu, bò. Ngoài sản xuất nông nghiệp, họ còn săn bắn, chăn nuôi, đánh cá, làm nghề thủ công: đan lát, sản xuất đồ gốm, làm mộc, dệt vải, làm đồ mỹ nghệ, trang sức,... Nghề luyện kim, đúc đồng rất phát triển, trong đó, sản phẩm tiêu biểu là trống đồng.



Gươm



Lưỡi cày



Chì lưới



Dội xe chỉ



Vòng tay đồng



Trống đồng



Bình gốm

Hình 6.7. Một số hiện vật thời Văn hoá Đông Sơn và bộ Cửu Chân

– Đọc thông tin mục 2, hãy cho biết: Thời sơ sử, người Thanh Hoá đã có những bước phát triển gì về kinh tế, xã hội?

– Từ các hiện vật tìm thấy trong các di chỉ Văn hoá Đông Sơn (hình 6.7), em biết gì về đời sống của tổ tiên ta thời ấy?

3 Thời Bắc thuộc

Thời Bắc thuộc kéo dài khoảng 1 100 năm (từ năm 179 TCN đến năm 938). Bấy giờ, Thanh Hoá mang tên Cửu Chân, Ái Châu; quận lỵ là Tư Phố (nay thuộc xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hoá).

Dưới ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, nhân dân Thanh Hoá luôn vùng lên chống ách thống trị, giành quyền độc lập. Các vị anh hùng chống Bắc thuộc nổi tiếng thời ấy là Lê Thị Hoa – nữ tướng trong khởi nghĩa Hai Bà Trưng (khởi nghĩa năm 40 – 43); Chu Đạt (khởi nghĩa năm 156 – 160); Triệu Thị Trinh (khởi nghĩa năm 248); Dương Đình Nghệ (khởi nghĩa năm 930 – 931).



Hình 6.8. Đền thờ nữ tướng Lê Thị Hoa
(huyện Nga Sơn)



Hình 6.9. Đền Bà Triệu
(huyện Hậu Lộc)

Trong đêm trường tăm tối ấy, các ngành nghề kinh tế tiếp tục phát triển, nhất là cư dân Thanh Hoá vẫn giữ vững bản sắc văn hoá dân tộc như tục thờ cúng tổ tiên, nếp sinh hoạt văn hoá với các nhạc cụ đặc sắc: trống chiêng, khèn,...



Bát gốm



Đỉnh đồng

Hình 6.10. Một số hiện vật thời Bắc thuộc

Đọc thông tin ở mục 3, em hãy cho biết: Tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm của nhân dân Thanh Hoá thời Bắc thuộc như thế nào?



Luyện tập

- 1 Tại sao gọi thời tiền sử là Thời đại đồ đá; thời sơ sử là Thời đại kim khí?
- 2 Trả lời các câu hỏi sau:
 - Công cụ, vũ khí chủ yếu của người thời tiền sử làm bằng gì?
 - Công cụ, vũ khí chủ yếu của người thời sơ sử làm bằng gì?
 - Tên gọi của Thanh Hoá thời Bắc thuộc là gì?
 - Kể tên những vị anh hùng chống xâm lược thời Bắc thuộc của Thanh Hoá.
- 3 Cho biết hai điểm nổi bật của nhân dân Thanh Hoá trong thời Bắc thuộc.



Vận dụng

Chọn và giới thiệu một di chỉ, di tích, hiện vật lịch sử hoặc một nhân vật ở mỗi thời kì lịch sử trong bài.



Ghi nhớ

Theo các di tích, hiện vật được khai quật, Thanh Hoá được coi là một trong những cái nôi của dân tộc Việt Nam. Qua mỗi thời kì, người dân Thanh Hoá đều có những bước phát triển tương ứng với lịch sử phát triển của đất nước. Thời tiền sử có sự phát triển của các công cụ bằng đá. Thời sơ sử phát triển các công cụ, vũ khí bằng đồng, gốm,... trong đó tiêu biểu nhất là trống đồng. Thời Bắc thuộc, nhân dân Thanh Hoá cùng với nhân dân cả nước đã đứng lên đấu tranh chống lại quân xâm lược, giành độc lập cho nước nhà.

HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ HỌC

1. Đến thăm một di tích thời tiền sử, sơ sử, Bắc thuộc ở Thanh Hoá (nếu có điều kiện).
2. Thăm Bảo tàng Thanh Hoá và kể về các hiện vật thời tiền sử, sơ sử, Bắc thuộc được trưng bày tại đây (nếu có điều kiện).

CHỦ ĐỀ 7

CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC Ở THANH HOÁ

MỤC TIÊU

- Biết được Thanh Hoá có nhiều dân tộc, trong đó đông nhất là 7 dân tộc: Kinh, Mường, Thái, Mông, Thổ, Dao, Khơ-mú; mỗi dân tộc có đặc điểm khác nhau nhưng luôn đoàn kết, chung sống cùng nhau.
- Kể được tên một số dân tộc ở Thanh Hoá.
- Tìm hiểu được một số hoạt động của cư dân các dân tộc ở Thanh Hoá.
- Giới thiệu được những nét đặc sắc của dân tộc mình.

Khởi động

Nghe truyền thuyết *Quả bầu mẹ*. Nêu nội dung, ý nghĩa của truyện.





Khám phá

1 Các dân tộc ở Thanh Hoá

Tỉnh Thanh Hoá có 3 645 696 người (2019) với nhiều dân tộc cùng chung sống. Đồng nhất là dân tộc Kinh, tiếp đó là các dân tộc: Mường, Thái, Mông, Thổ, Dao, Khơ-mú,...

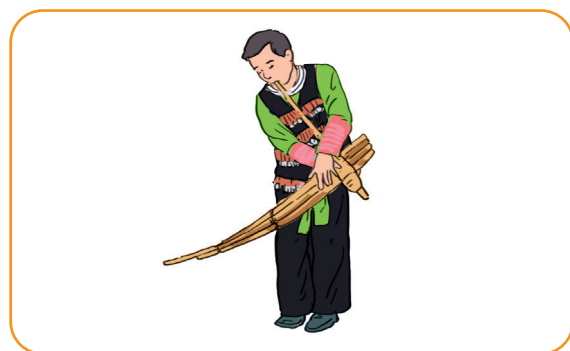


Hình 7.1. Dân tộc Mường



Hình 7.2. Dân tộc Dao

Các dân tộc có bản sắc văn hoá và tiếng nói riêng. Một số dân tộc như Thái, Mông, Dao,... có chữ viết riêng, đã và đang được giảng dạy trong các trường học.



Hình 7.3. Dân tộc Mông



Hình 7.4. Lớp học chữ Thái



Hình 7.5. Lớp học chữ Nôm Dao

2 Phân bố

Tất cả các dân tộc ở Thanh Hoá cư trú trên địa bàn 27 huyện, thị, thành phố trong tỉnh. Phần lớn các dân tộc ít người sinh sống ở vùng núi và trung du. Dân tộc Kinh sinh sống ở khắp các địa bàn trong tỉnh nhưng chủ yếu ở vùng đồng bằng và ven biển.



Hình 7.6. Miền núi
(huyện Quan Hoá)



Hình 7.7. Đồng bằng
(huyện Nông Cống)

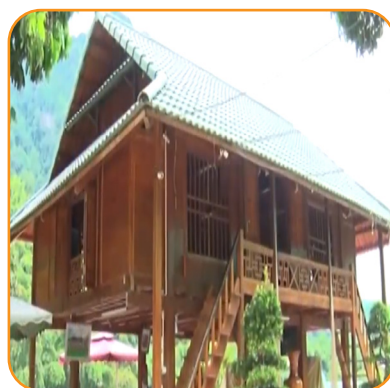
Nhà của người Kinh chủ yếu là nhà mái bằng, nhà tầng,... Các dân tộc thiểu số ở một số nơi xây cất nhà như miền xuôi nhưng phổ biến vẫn là nhà sàn.

Mặc dù có đặc điểm khác nhau nhưng các dân tộc ở Thanh Hoá đều sống trong ngôi nhà chung đại đoàn kết các dân tộc.

Nêu sự phân bố các dân tộc trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá.



Hình 7.8. Nhà tầng
(thành phố Thanh Hoá)



Hình 7.9. Nhà sàn
(huyện Quan Hoá)

3 Phát huy tinh thần đại đoàn kết dân tộc

Tuy hiện tại các dân tộc có sự phát triển không đồng đều, song dù ở đâu, Đảng, Nhà nước cũng có chính sách phù hợp để không dân tộc nào bị bỏ lại phía sau. Tất cả sống trong ngôi nhà chung "Đại đoàn kết", ngày ngày lao động sản xuất, canh giữ, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Tất cả cùng một đích hướng "xây dựng quê hương, tổ quốc mãi mãi thanh bình, hội nhập, phát triển".

Vì sao cần phát huy đại đoàn kết dân tộc ở tỉnh Thanh Hoá?



Hình 7.10. Ngày hội đại đoàn kết dân tộc



Luyện tập

1 Dân số toàn tỉnh Thanh Hoá tính đến năm 2019 là 3 645 696 người với nhiều dân tộc cùng chung sống. Đông nhất là dân tộc Kinh với 2 956 879 người. (Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thanh Hoá 2019)

Hãy cho biết: Các dân tộc thiểu số chiếm bao nhiêu % dân số tỉnh Thanh Hoá?

2 Kể tên các dân tộc ở Thanh Hoá và nơi cư trú của họ mà em biết.

3 Quan sát các hình ảnh về đời sống các dân tộc ở miền núi tỉnh Thanh Hoá sau đây, em có nhận xét gì?



Hình 7.11. Gặt lúa
(huyện Bá Thước)



Hình 7.12. Lễ hội Ca Da
(huyện Quan Hoá)



Hình 7.13. Trồng rừng



Hình 7.14. Quân và dân



Vận dụng

1 Đặt tên cho các bức ảnh về đời sống của các dân tộc ở Thanh Hoá dưới đây.
Nêu cảm nghĩ của em khi xem ảnh.



Hình 7.15



Hình 7.16



Hình 7.17



Hình 7.18

2 Viết thư cho một bạn người dân tộc khác ở Thanh Hoá, kể về những nét đặc sắc của dân tộc, quê hương mình và đề nghị kết bạn.

Ghi nhớ

Thanh Hoá có nhiều dân tộc cùng sinh sống. Phần lớn các dân tộc ít người ở vùng núi và trung du. Dân tộc Kinh sinh sống ở khắp các địa bàn trong tỉnh nhưng chủ yếu ở vùng đồng bằng.

Tuy có đặc điểm đời sống, văn hoá khác nhau nhưng từ ngàn đời nay, các dân tộc đều đoàn kết bên nhau, xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

CHỦ ĐỀ 8

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC Ở THANH HOÁ

MỤC TIÊU

- Biết được những điểm khái quát về môi trường nước ở tỉnh Thanh Hoá.
- Biết về thực trạng ô nhiễm môi trường nước và nguyên nhân gây ô nhiễm.
- Có thái độ tích cực để bảo vệ môi trường nước.

Khởi động



Nước vô cùng quan trọng đối với sự sống trên Trái Đất. Tuy nhiên, hiện nay, môi trường nước ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm.

Ô nhiễm môi trường nước diễn ra như thế nào và ảnh hưởng đến cuộc sống của chúng ta ra sao?



Khám phá

1 Môi trường nước ở Thanh Hoá

Môi trường nước gồm: nước trên mặt đất (nước mặt), nước dưới mặt đất (nước ngầm) và nước ở biển.

Nước trên mặt đất (nước mặt) của tỉnh Thanh Hoá tương đối phong phú, đa dạng, bao gồm: nước từ 4 hệ thống sông, trên 260 suối, hơn 1 700 hồ, tạo ra mạng lưới thuỷ văn dày đặc, phân bố khá đều trên địa bàn toàn tỉnh. Tổng dòng chảy trung bình hằng năm khoảng 20 tỉ m³ nước ngọt.

Nước dưới mặt đất (nước ngầm): Nguồn nước ngầm ở Thanh Hoá khá phong phú. Qua tính toán, thăm dò đã xác định được trữ lượng nước dưới đất của tỉnh Thanh Hoá khoảng trên 1,6 triệu m³/ngày. Các địa bàn đã tiến hành tìm kiếm, thăm dò như Bỉm Sơn, Hàm Rồng, Sầm Sơn,...

Nước ở biển: Vùng biển tỉnh Thanh Hoá là bộ phận phía nam vịnh Bắc Bộ, chiều dài đường bờ biển là 102 km, diện tích khoảng 17 nghìn km², gấp 15 lần phần đất liền của tỉnh. Thanh Hoá là tỉnh có diện tích biển và chiều dài đường bờ biển lớn.

Hiện nay, các nguồn nước ở Thanh Hoá đã có hiện tượng bị ô nhiễm với các mức độ khác nhau.



Hình 8.1. Sông Mã



Hình 8.2. Biển Sầm Sơn

Nêu một số đặc điểm của môi trường nước ở Thanh Hoá.

2 Thực trạng ô nhiễm môi trường nước ở Thanh Hoá

Đọc các thông tin dưới đây và cho biết:

- Dấu hiệu môi trường nước bị ô nhiễm.
- Thực trạng ô nhiễm môi trường nước ở Thanh Hoá.

Nguồn nước bị nhiễm hoá chất hoặc các chất lạ gây bất lợi cho sức khoẻ con người hoặc động thực vật. Các chất độc hại xâm nhập vào các nguồn nước (nước mặt, nước ngầm, nước biển). Các chất này có thể bị hoà tan, có thể lơ lửng hoặc đọng lại trong nước. Ví dụ: Hàm lượng dầu, sản phẩm dầu trong nước vượt quá tiêu chuẩn cho phép từ Cầu Kiều đến cửa Hới trên sông Mã, đoạn từ cầu Mục Sơn đến trạm bơm Thiệu Khánh trên sông Chu.

Có thể nhận ra nước bị ô nhiễm khi có dấu hiệu khác thường về màu, mùi, có lắng cặn trong nước. Để đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường nước, người ta dùng nhiều thông số khác nhau. Ví dụ: DO là lượng oxy hoà tan trong nước, chỉ số này cao thì nước tốt; COD là nhu cầu oxy hoá học trong nước; BOD là nhu cầu oxy sinh hoá; SS là chỉ lượng chất rắn lơ lửng trong nước; lượng hợp chất của nitơ (N) phốt-pho (P), sắt (Fe), các kim loại nặng,... Các chỉ số này càng cao thì mức độ ô nhiễm của nước càng lớn. Hàm lượng a-mo-ni của Lạch Sùng trên sông Lèn vượt quy chuẩn từ 1,4 đến 3,5 lần. Hàm lượng ni-trít trên các sông Cầu Chày, sông Bưởi, sông Lèn vượt quy chuẩn từ 1,4 đến 60 lần.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hoá đã có nhiều nghiên cứu và thường xuyên đánh giá về thực trạng môi trường nước của tỉnh. Đánh giá chung là chất lượng nước sông, hồ, nước ngầm, nước biển trên địa bàn toàn tỉnh đã bị ô nhiễm cục bộ, diễn biến phức tạp và mức độ ô nhiễm nặng. Mức độ ô nhiễm quan sát những năm sau đều tăng hơn những năm trước. Ví dụ: Tại một số hồ có hàm lượng phốt-phát vượt quy chuẩn như hồ sông Mục, hồ Cánh Chim, hồ Thành,... Hàm lượng man-gan trong nước tại các làng nghề (như làng nghề đá Yên Lâm), khu kinh tế Nghi Sơn, nhà máy đường Nông Cống,... đều vượt mức quy chuẩn.

3 Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước

Nước là yếu tố cần thiết hàng đầu của sự sống trên Trái Đất. Do đó, ô nhiễm môi trường nước gây ra rất nhiều hậu quả, không chỉ ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe, tính mạng con người và các sinh vật khác mà còn ảnh hưởng tới các thế hệ sau.

Theo em, môi trường nước bị ô nhiễm gây ra những hậu quả gì?

Khi môi trường nước bị ô nhiễm, cần những khoản chi phí lớn để xử lý nước, ngăn ngừa ô nhiễm. Vì vậy, một quốc gia hay một địa phương bị ô nhiễm môi trường nước sẽ gây tổn thất lớn tới kinh tế, ảnh hưởng đến sự phát triển của các ngành kinh tế khác.

Nêu những tác động của ô nhiễm môi trường nước đến sức khỏe con người và các ngành kinh tế ở tỉnh Thanh Hoá.



Ô nhiễm môi trường biển
(thành phố Thanh Hoá)



Ô nhiễm sông ngòi
(huyện Bá Thước)

Hình 8.3. Một số hình ảnh ô nhiễm môi trường nước ở Thanh Hoá

4 Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước

Có 4 nguyên nhân chính gây ra ô nhiễm môi trường nước ở Thanh Hoá.

a) Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt là lượng nước con người thải ra thông qua ăn uống, sinh hoạt, vệ sinh hằng ngày. Lượng nước thải này lớn, thường được đổ trực tiếp ra ngoài cống rãnh, kênh mương, ao hồ trên địa bàn tỉnh.

b) Nước thải nông nghiệp

Hiện nay, hoạt động trồng trọt sử dụng nhiều thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hoá học; hoạt động chăn nuôi có chất thải gia súc, thức ăn thừa của động vật không xử lý là nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm.

c) Nước thải công nghiệp

Trên địa bàn tỉnh hiện nay có nhiều nhà máy, khu chế xuất, các làng nghề thủ công nghiệp đang hoạt động nhưng nước thải không được xử lý, xả trực tiếp ra ao hồ, sông, suối, biển, gây ô nhiễm môi trường nước.

d) Thiên tai

Khi thiên tai như mưa lớn, bão lũ xảy ra, một lượng lớn rác thải bị dồn lại. Các hoạt động của sinh vật, cả khi sinh vật chết bị phân huỷ cũng gây ô nhiễm nguồn nước. Ô nhiễm tự nhiên ít khi xảy ra, nhưng khi xảy ra thì thường nghiêm trọng.

Nêu những nguyên nhân chính gây ra ô nhiễm môi trường nước.



*Hình 8.4. Nước thải từ trang trại
(huyện Bá Thước)*



*Hình 8.5. Nước thải công nghiệp
(huyện Quan Hoá)*



*Hình 8.6. Rác đọng lại sau mưa lũ
(thành phố Thanh Hoá)*

Em có biết?

Theo quy hoạch tổng thể của tỉnh Thanh Hoá, đầu năm 2020, 100% dân số Thanh Hoá được cấp nước sinh hoạt sạch, ở thành thị là 150 lít/người, ở nông thôn 60 – 80 lít/người (một ngày đêm). Lượng nước cấp cho toàn tỉnh là trên 214 triệu m³/năm; tổng nước thải thoát ra là trên 171 triệu m³/năm, kèm theo nhiều chất gây ô nhiễm môi trường nước.

Nguồn: Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá

5 Các biện pháp bảo vệ môi trường nước

Theo em, chúng ta cần làm gì để bảo vệ môi trường nước của tỉnh?

Giữ gìn để môi trường nước không bị ô nhiễm là trách nhiệm, là việc làm thường xuyên và lâu dài của cả xã hội. Hiện nay, ở Thanh Hoá đã thực hiện một số biện pháp sau:

a) Tuyên truyền và vận động người dân

Việc tuyên truyền và vận động người dân giúp mọi người đều thấy trách nhiệm và có những việc làm thiết thực, góp phần bảo vệ môi trường nước không bị ô nhiễm. Thực hiện những việc làm cụ thể như: vứt rác đúng nơi quy định; lên án những hành động xả rác bừa bãi, lãng phí nước;...

b) Xử lý nước thải công nghiệp trước khi xả ra môi trường

Các khu công nghiệp, nhà máy, làng nghề trên địa bàn tỉnh cần xử lý nước thải đúng tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường. Nếu có sai phạm phải xử phạt nghiêm minh và có biện pháp khắc phục.

c) Xử lý các vấn đề từ hoạt động sản xuất nông nghiệp

Ở nông thôn, cần hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân hoá học; xử lý nước thải sinh hoạt, chăn nuôi trước khi xả ra môi trường.

d) Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải

Hiện nay, tỉnh Thanh Hoá đã và đang đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải ở thành phố, huyện, các khu dân cư, khu công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh.



Luyện tập

1 Theo em, thế nào là nguồn nước bị ô nhiễm? Vì sao cần bảo vệ môi trường nước?

2 Lựa chọn đáp án đúng trong các câu dưới đây:

Dấu hiệu nhận biết nguồn nước bị ô nhiễm là

- a) nước thay đổi màu sắc.
- b) nước thay đổi mùi.
- c) nước có dấu hiệu vẩn đục.
- d) nước có váng, cặn.

Hậu quả của ô nhiễm môi trường nước là

- a) chỉ ảnh hưởng đến cây trồng.
- b) chỉ ảnh hưởng đến vật nuôi.
- c) ảnh hưởng đến tất cả sự sống của động thực vật và sức khỏe con người.
- d) không có tác động lớn lắm đến con người và các hoạt động kinh tế.

Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước là

- a) chỉ do nước thải sinh hoạt ở khu dân cư.
- b) do nước thải không được xử lý từ sinh hoạt, hoạt động sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.
- c) chỉ do rác thải dồn lại từ thiên tai.
- d) chỉ do khí thải từ các hoạt động giao thông.



Vận dụng

1 Cùng các bạn lập dự án khảo sát về nguồn nước mặt nơi em sinh sống theo các gợi ý sau:

- Lựa chọn phạm vi khảo sát.
- Quan sát, điều tra về môi trường nước.
- Ghi chép các thông tin cần thiết.
- Tìm hiểu nguyên nhân.
- Đề xuất biện pháp giải quyết.

2 Viết thơ, đoạn văn hoặc vẽ tranh để vận động mọi người giữ gìn môi trường nước không bị ô nhiễm.



Ghi nhớ

Thanh Hoá là tỉnh có nguồn nước đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, môi trường nước của tỉnh Thanh Hoá nói riêng, cả nước và trên toàn cầu nói chung đang bị ô nhiễm với mức độ ngày càng tăng. Môi trường nước bị ô nhiễm gây ra những hậu quả nghiêm trọng với con người và các loài sinh vật cả hiện tại và lâu dài. Việc bảo vệ môi trường nước phụ thuộc vào việc làm và ý thức của mọi người.

THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích	Trang
Ẩm thực	Văn hoá ăn uống của một dân tộc, một cộng đồng dân cư đã trở thành tập tục, thói quen.	13
Cộng đồng	Toàn thể những người sống thành một xã hội, có những điểm giống nhau, gắn bó thành một khối.	26
Di sản văn hoá	Giá trị tinh thần và vật chất của văn hoá thế giới hay của một quốc gia, một dân tộc để lại.	5
Địa hình	Toàn bộ các hình dạng nổi lõm trên mặt đất, có kích thước, nguồn gốc, tuổi và lịch sử phát triển khác nhau.	28
Định danh	Đặt tên, xác định tên cho một đối tượng.	23
Khoáng sản	Khoáng vật và đá trong vỏ Trái Đất, có thể khai thác để trở thành nguồn lợi kinh tế.	28
Môi trường	Toàn bộ những điều kiện tự nhiên, xã hội, trong đó con người hay một sinh vật tồn tại, phát triển trong quan hệ với con người, với sinh vật ấy.	32
Làng nghề	Nơi những người sống cùng nhau, cùng làm một nghề để phát triển kinh tế.	35
Thời sơ sử	Thời kì đã có sử nhưng còn sơ lược, mù mờ. Sử được viết, được kể sau hàng mấy trăm năm qua những hình thức sử thi, thần thoại, truyền thuyết.	41
Thời tiền sử	Thời kì trước khi có sử, bao gồm thời gian từ khi loài người xuất hiện đến khi có được những tài liệu sử viết đầu tiên. Thời kì này kéo dài khoảng 2 000 năm trước Công nguyên.	41

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:
Phó Tổng biên tập ĐẶNG THANH HẢI
Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội LÊ THÀNH ANH

Biên tập nội dung và sửa bản in:
NGUYỄN THỊ THANH LOAN – NGUYỄN THỊ DẠ HƯƠNG
Thiết kế sách và trình bày bìa:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Nguồn ảnh: Sở GD&ĐT Thanh Hoá và các tác giả.

Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Thanh Hoá là chủ sở hữu Quyền tác giả đối với Xuất bản phẩm.
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội giữ quyền công bố Xuất bản phẩm.

Tài liệu giáo dục địa phương



Mã số: ...

In ... bản, (QĐ 192) khổ 19x26,5 cm.

Đơn vị in: ...

Địa chỉ: ...

Cơ sở in: ...

Số ĐKXB: 1591-2020/CXBIPH/10-850/GD.

Số QĐXB: .../QĐ - GD - HN ngày ... tháng ... năm ...

Mã số ISBN: 978-604-0-22641-9

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm ...